

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẢNG NGHỆ TĨNH**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, Đường Trường Thi,

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 01 tháng 4 năm 2015.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Lê Doãn Long

Ông Bùi Kiều Hưng

Ông Trần Văn Đạt

Ông Lê Việt Thành

Ông Nguyễn Quang

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Lê Doãn Long

Ông Bùi Kiều Hưng

Ông Trần Văn Đạt

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG
NGHỆ TĨNH

Lê Doãn Long

Tổng Giám đốc

(Nay là Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh)

Ngày 08 tháng 6 năm 2015

Số: 0049 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 6 năm 2015, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, chi phí khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm khoản chi phí hỗ trợ kinh phí nạo vét luồng vào cảng cá được chấp thuận theo Nghị quyết số 3714/NQ-HHVN ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 7 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 6 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		69.451.211.694	44.499.614.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	34.125.800.605	27.679.004.015
1. Tiền	111		6.833.002.636	6.518.606.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.292.797.969	21.160.397.423
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.400.750.359	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	16.400.750.359	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.289.429.247	13.610.229.325
1. Phải thu khách hàng	131		13.216.244.238	12.828.013.257
2. Trả trước cho người bán	132		1.324.050.000	1.054.929.300
3. Các khoản phải thu khác	135	7	749.135.009	90.231.195
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(362.944.427)
IV. Hàng tồn kho	140	8	2.742.751.355	2.436.914.815
1. Hàng tồn kho	141		2.742.751.355	2.436.914.815
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		892.480.128	773.466.669
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		759.882.417	360.884.568
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		132.597.711	412.582.101
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		193.974.099.952	151.397.031.732
I. Tài sản cố định	220		189.633.019.332	148.885.467.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	186.177.463.241	147.835.748.629
- Nguyên giá	222		395.556.579.064	267.380.703.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.379.115.823)	(119.544.955.222)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.455.556.091	1.049.719.186
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	2.500.000.000	2.500.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.841.080.620	11.563.917
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.841.080.620	11.563.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		263.425.311.646	195.896.646.556

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		41.139.338.435	36.907.891.394
I. Nợ ngắn hạn	310		40.660.853.435	35.907.399.194
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	4.630.203.780	5.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		556.945.000	3.041.324.576
3. Người mua trả tiền trước	313		597.238.117	64.672.002
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.596.557.890	2.277.673.871
5. Phải trả người lao động	315		20.836.824.358	21.364.773.954
6. Chi phí phải trả	316	14	4.610.978.723	2.000.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	6.832.105.567	1.563.717.422
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	595.237.369
II. Nợ dài hạn	330		478.485.000	1.000.492.200
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		478.485.000	1.000.492.200
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		222.285.973.211	158.988.755.162
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	222.285.973.211	158.988.755.162
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		154.416.086.739	154.416.086.739
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.310.300.614	1.310.300.614
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		55.639.590.992	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.792.681.399	2.792.681.399
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		469.686.410	469.686.410
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.657.627.057	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		263.425.311.646	195.896.646.556
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý			347.083.726	347.083.726
2. Ngoại tệ các loại (USD)			581	595


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 6 năm 2015




Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc
(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	147.834.190.084	123.229.758.547
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		147.834.190.084	123.229.758.547
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	117.992.381.166	102.599.611.671
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.841.808.918	20.630.146.876
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.576.602.991	336.131.269
6. Chi phí tài chính	22		92.732.177	252.931.199
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		92.732.177	252.931.199
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.423.190.615	16.043.956.594
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		15.902.489.117	4.669.390.352
9. Thu nhập khác	31		2.431.844.971	1.423.023.348
10. Chi phí khác	32		6.808.948.852	3.478.356.074
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	20	(4.377.103.881)	(2.055.332.726)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.525.385.236	2.614.057.626
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	3.867.758.179	1.280.644.346
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.657.627.057	1.333.413.280


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 6 năm 2015




Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc
(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.525.385.236		2.614.057.626	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.001.965.880		23.790.206.993	
- Các khoản dự phòng	03	(362.944.427)		224.554.078	
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.238.197.491)		(450.018.157)	
- Chi phí lãi vay	06	92.732.177		252.931.199	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.018.941.375		26.431.731.739	
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(988.603.466)		(3.685.321.587)	
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(25.852.150)		(555.659.746)	
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.665.410.872		5.093.629.161	
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.222.659.083)		159.398.965	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(88.288.177)		(167.528.859)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.547.348.513)		(1.651.520.023)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>29.811.600.858</i>		<i>25.624.729.650</i>	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.862.614.426)		(6.624.636.773)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.019.609.090		163.636.363	
3. Chi tiền gửi có kỳ hạn	24	(16.400.750.359)		-	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.248.747.647		332.572.108	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(22.995.008.048)</i>		<i>(6.128.428.302)</i>	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24.606.385.478		6.000.000.000	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.976.181.698)		(6.794.224.478)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(369.796.220)</i>		<i>(794.224.478)</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	6.446.796.590		18.702.076.870	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.679.004.015		8.976.927.145	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	34.125.800.605		27.679.004.015	


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 6 năm 2015




Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc
(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) chuyển đổi từ Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 718/QĐ-HĐQT, số ĐKKD 2706000031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/8/1993. Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2900325069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 10 năm 2012 là 156.425.564.105 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 531 (31 tháng 12 năm 2013:560).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty chỉ phục vụ cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Năm tài chính cuối cùng của Công ty trước khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần là từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03- 08

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình được đưa vào hoạt động.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	518.824.471	85.309.987
Tiền gửi ngân hàng	6.314.178.165	6.433.296.605
Các khoản tương đương tiền	27.292.797.969	21.160.397.423
	<u>34.125.800.605</u>	<u>27.679.004.015</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô với thời hạn từ 4-12 tháng, lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,2%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	327.682.189	-
Phải thu khác	421.452.820	90.231.195
	<u>749.135.009</u>	<u>90.231.195</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên vật liệu	2.277.348.203	1.942.928.243
Công cụ dụng cụ	465.403.152	493.986.572
	<u>2.742.751.355</u>	<u>2.436.914.815</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Xây dựng bến 5+6	1.049.719.186	1.049.719.186
Bãi chứa hàng 3D-Cảng Cửa Lò	2.405.836.905	-
	<u>3.455.556.091</u>	<u>1.049.719.186</u>

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Trường Cao Đẳng Nghề Hàng Hải Vinalines với số tiền 2.500.000.000 VND.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.630.203.780	5.000.000.000
	<u>4.630.203.780</u>	<u>5.000.000.000</u>

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản vay theo hợp đồng vay ngắn hạn ngày 16 tháng 12 năm 2014 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô với hạn mức 5.000.000.000 VND. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền lương, bảo hiểm xã hội và chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay là 01 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Như trình bày tại thuyết minh số 12, Công ty sử dụng chân đế cầu và xe cầu hàng để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	173.823.373.879	10.721.057.905	78.936.609.295	126.854.545	3.772.808.227	267.380.703.851
Mua sắm mới	-	680.906.109	7.170.590.908	40.972.727	175.286.500	8.067.756.244
Tăng do đánh giá lại tài sản	111.697.315.662	277.771.300	10.717.958.993	-	17.207.500	122.710.253.455
Thanh lý, nhượng bán	(45.000.000)	-	(2.522.319.486)	-	(34.815.000)	(2.602.134.486)
Tại ngày 31/12/2014	285.475.689.541	11.679.735.314	94.302.839.710	167.827.272	3.930.487.227	395.556.579.064
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	77.455.728.321	4.929.892.824	35.366.481.337	57.384.364	1.735.468.376	119.544.955.222
Khấu hao trong năm	12.967.476.590	1.335.868.592	9.100.809.036	37.754.208	560.057.454	24.001.965.880
Tăng do đánh giá lại tài sản	66.171.505.373	-	2.605.827.429	-	-	68.777.332.802
Thanh lý, nhượng bán	(31.500.000)	-	(2.184.941.051)	-	(27.852.000)	(2.244.293.051)
Giảm do đánh giá lại tài sản	-	(142.352.612)	-	(15.735.846)	(542.756.572)	(700.845.030)
Tại ngày 31/12/2014	156.563.210.284	6.123.408.804	44.888.176.751	79.402.726	1.724.917.258	209.379.115.823
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	128.912.479.257	5.556.326.510	49.414.662.959	88.424.546	2.205.569.969	186.177.463.241
Tại ngày 31/12/2013	96.367.645.558	5.791.165.081	43.570.127.958	69.470.181	2.037.339.851	147.835.748.629

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị: 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 17.655.008.802 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là 24.621.590.943 VND (31 tháng 12 năm 2013: 28.696.303.227 VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	681.560.651	697.130.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.847.664.959	527.255.293
Thuế thu nhập cá nhân	50.457.496	90.231.195
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	594.437.550
Các loại thuế khác	16.874.784	368.619.225
	<u>2.596.557.890</u>	<u>2.277.673.871</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí di chuyển Bến cá	3.000.000.000	2.000.000.000
Bãi chứa hàng 3D-Cảng Cửa Lò	1.610.978.723	-
	<u>4.610.978.723</u>	<u>2.000.000.000</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	13.237.449	320.406.560
Đặt cọc mua cổ phần	3.933.097.560	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.742.243.558	1.214.135.862
Quỹ lương Hội đồng Thành viên	1.143.527.000	29.175.000
	<u>6.832.105.567</u>	<u>1.563.717.422</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	154.416.086.739	-	3.152.649.583	469.686.410	-	1.376.575.799	159.414.998.531
Tăng trong năm	-	1.310.300.614	-	-	-	(1.310.300.614)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.333.413.280	1.333.413.280
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.399.688.465)	(1.399.688.465)
Giảm trong năm	-	-	(359.968.184)	-	-	-	(359.968.184)
Số dư tại ngày 01/01/2014	154.416.086.739	1.310.300.614	2.792.681.399	469.686.410	-	-	158.988.755.162
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.657.627.057	7.657.627.057
Tăng trong năm	-	-	-	-	55.639.590.992	-	55.639.590.992
Số dư tại ngày 31/12/2014	154.416.086.739	1.310.300.614	2.792.681.399	469.686.410	55.639.590.992	7.657.627.057	222.285.973.211

Vốn đầu tư và điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 156.425.564.105 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu thực góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp	
		31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	156.425.564.105	154.416.086.739	154.416.086.739
	156.425.564.105	154.416.086.739	154.416.086.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ bốc xếp - Cửa Lò	135.339.536.569	114.251.952.963
Doanh thu dịch vụ bốc xếp - Bến Thủy	12.494.653.515	8.977.805.584
	<u>147.834.190.084</u>	<u>123.229.758.547</u>

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ bốc xếp - Cửa Lò	105.462.756.027	90.273.368.760
Giá vốn dịch vụ bốc xếp - Bến Thủy	12.529.625.139	12.326.242.911
	<u>117.992.381.166</u>	<u>102.599.611.671</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.053.909.377	19.740.716.430
Chi phí nhân công	64.081.877.318	53.757.288.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.001.965.880	23.790.206.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.725.784.932	12.913.149.279
Chi phí khác bằng tiền	4.552.034.274	8.442.207.237
	<u>133.415.571.781</u>	<u>118.643.568.265</u>

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.019.609.090	163.636.363
Thu nhập khác	1.412.235.881	1.259.386.985
Thu nhập khác	<u>2.431.844.971</u>	<u>1.423.023.348</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	357.841.435	36.400.000
Chi phí hỗ trợ cảng cá (i)	6.000.000.000	2.000.000.000
Chi phí khác	451.107.417	1.441.956.074
Chi phí khác	<u>6.808.948.852</u>	<u>3.478.356.074</u>
Lợi nhuận khác	<u>(4.377.103.881)</u>	<u>(2.055.332.726)</u>

- (i) Thể hiện chi phí hỗ trợ kinh phí nạo vét luồng vào cảng cá, được chấp thuận theo Nghị Quyết số 3714/NQ-HHVN ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc hạch toán khoản hỗ trợ kinh phí nạo vét luồng vào cảng cá của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.525.385.236	2.614.057.626
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.917.146.259	2.508.519.760
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.000.000.000	2.508.519.760
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	82.853.741	-
Thu nhập chịu thuế	17.442.531.495	5.122.577.386
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.837.356.929	1.280.644.347
Thuế thu nhập bổ sung các năm trước	30.401.250	-
	<u>3.867.758.179</u>	<u>1.280.644.346</u>

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	4.630.203.780	5.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	34.125.800.605	27.679.004.015
Nợ thuần	(29.495.596.825)	(22.679.004.015)
Vốn chủ sở hữu	222.285.973.211	158.988.755.162
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.125.800.605	27.679.004.015
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.400.750.359	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.965.379.247	12.555.300.025
	<u>64.491.930.211</u>	<u>40.234.304.040</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.630.203.780	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	6.232.286.118	4.255.460.438
Chi phí phải trả	4.610.978.723	2.000.000.000
	<u>15.473.468.621</u>	<u>11.255.460.438</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TỈNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.125.800.605	-	34.125.800.605
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.400.750.359	-	16.400.750.359
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.965.379.247	-	13.965.379.247
Tổng cộng	64.491.930.211	-	64.491.930.211
31/12/2014			
Các khoản vay	4.630.203.780	-	4.630.203.780
Phải trả người bán và phải trả khác	6.232.286.118	-	6.232.286.118
Chi phí phải trả	4.610.978.723	-	4.610.978.723
Tổng cộng	15.473.468.621	-	15.473.468.621
Chênh lệch thanh khoản thuần	49.018.461.590	-	49.018.461.590

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền	27.679.004.015	-	27.679.004.015
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.555.300.025	-	12.555.300.025
Tổng cộng	40.234.304.040	-	40.234.304.040
31/12/2013			
Các khoản vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.255.460.438	-	4.255.460.438
Chi phí phải trả	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Tổng cộng	11.255.460.438	-	11.255.460.438
Chênh lệch thanh khoản thuần	28.978.843.602	-	28.978.843.602

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Thu nhập của Ban Giám đốc*

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.302.927.990	1.114.941.165

24. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa bao gồm các xử lý tài chính trước khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.



Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 6 năm 2015



Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc
(Nay là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh)